TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **28**/2018/HNGĐ - ST
Ngày 04/6/2018
V/v:"***Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"***

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Hiệp**.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Mai Thế Hải;**

2. Bà **Huỳnh Thị Yến.**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Phương**, là Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T: Ông **Nguyễn Ngọc Thắng**, Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 6 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận. Tòa án nhân dân huyện T mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2018/TLST-HNGĐ ngày 23/02/2018, về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2018 và Quyết định số 12/2018/QĐST-HNGĐ ngày 23/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Kim T, sinh năm 1983. Vắng mặt.

2. *Bị đơn*: Anh Hà Phước Th, sinh năm 1983. Vắng mặt.

Cùng trú tại: Khu phố LT, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các bản tự khai, biên bản hòa giải, đơn xin vắng mặt phiên tòa xét xử của nguyên đơn có trong hồ sơ vụ án, thì:

Chị Trần Thị Kim T và anh Hà Phước Th tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân. Chị và anh Th có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L vào năm 2013. Sau khi kết hôn, anh và chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Th không có trách nhiệm với gia đình, đi làm

về thường hay nhậu say, ít khi ở nhà với vợ con, những lúc chị T khuyên ngăn thì vợ chồng xảy ra cãi vã, to tiếng với nhau. Vì anh Th làm tài xế thường hay đi xa nên khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn anh Th cũng ít khi về nhà. Thời gian gần đây, giữa vợ chồng không còn quan tâm, yêu thương và chăm sóc nhau. Bản thân chị không muốn chung sống với anh Th nữa. Do đó, chị yêu cầu Tòa án sớm giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th để chị yên tâm sinh con và ổn định cuộc sống riêng của mình.

Về con chung: Chị và anh Th có 01 người con chung tên Hà Phước N, sinh ngày 13/9/2014, hiện đang ở với chị. Ngoài ra, chị còn đang mang thai đứa con thứ hai. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con N và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng tiền nuôi con. Về thai nhi chị đang mang thai thì chị không yêu cầu anh Th phải chu cấp cho việc sinh con và cấp dưỡng nuôi con sau khi sinh.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo các bản tự khai của bị đơn, biên bản hòa giải có trong hồ sơ vụ án, thì:

Anh Hà Phước Th và chị T tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân. Anh, chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L vào năm 2013 và có tổ chức đám cưới ra mắt họ hàng 2 bên gia đình. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống với nhau hạnh phúc. Chỉ có thời gian gần đây vợ chồng anh mới xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị T có những lời lẽ thiếu tôn trọng anh, trong cuộc sống chị T làm gì cũng không bàn bạc với anh. Do đó, vợ chồng anh có xảy ra cãi vã nhau. Hiện nay, anh còn tình cảm yêu thương chị T nên anh không đồng ý ly hôn. Trường hợp chị T cương quyết ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Về con chung: Anh, chị có 01 người con chung tên Hà Phước N, sinh ngày 13/9/2014 và hiện tại chị T đang mang thai đứa con thứ hai được 07 tháng. Trường hợp Tòa án giải quyết cho chị T ly hôn thì về con N anh đồng ý giao con cho chị T nuôi và anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tổ chức nhiều phiên hòa giải để cho anh chị về đoàn tụ nhưng không thành.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 146, 147, 203, điểm b, khoản 2, Điều 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc Hội để tuyên:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị Kim T được ly hôn với anh Hà Phước Th.

- Về con chung: Giao 01 người con chung tên Hà Phước N cho chị T nuôi dưỡng; anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về án phí: Chị T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt nhưng nguyên đơn đã nộp đơn xin vắng mặt phiên tòa xét xử cho Tòa án, còn bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lí do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Kim T và anh Hà Phước Th kết hôn vào năm 2013, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L. Do đó, hôn nhân giữa chị T và anh Th là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ theo quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống với nhau, anh Th và chị T thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không tin tưởng, nhường nhịn nhau và cùng nhau chia sẻ các vấn đề trong cuộc sống gia đình. Khi xảy ra mâu thuẫn các bên không tôn trọng nhau và cùng nhau giải quyết vấn đề mà để mâu thuẫn kéo dài cho đến nay.

Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng chị T vẫn cương quyết ly hôn và trong đơn xin vắng mặt phiên tòa xét xử, chị T thừa nhận chị không còn tình cảm với anh Th vì cuộc sống hôn nhân giữa anh, chị không có hạnh phúc. Chị T mong muốn được ly hôn với anh Th, để chị yên tâm sinh con và lo cho cuộc sống riêng của mình.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh Th đã xảy ra trong thời gian dài và trầm trọng. Vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc và chia sẻ với nhau. Tình cảm vợ chồng không còn xuất phát từ hai phía. Do đó, nếu để kéo dài cuộc hôn nhân này sẽ gây bất lợi cho cả hai. Điều đó cho thấy cuộc sống hôn nhân của chị T và anh Th không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Các bên đương sự đều thừa nhận quá trình chung sống chị T và anh Th sinh được 01 người con chung tên Hà Phước N, sinh ngày 13/9/2014. Nguyện vọng của chị T là được trực tiếp nuôi dưỡng con nhưng anh Th không đồng ý với nguyện vọng của chị T vì anh Th không muốn ly hôn. Xét thấy, con Hà Phước N đang còn nhỏ, cần sự chăm sóc của mẹ và từ nhỏ cho đến nay con N sống với mẹ là chủ yếu. Bản thân chị T có công việc ổn định tạo ra thu nhập và có điều kiện chăm sóc trực tiếp cho con. Do đó, Giao con tên Hà Phước N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện, môi trường sống của con và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Đối với người con do chị T đang mang thai, trường hợp sau khi chị T sinh con ra và các bên có tranh chấp về trách nhiệm nuôi con thì có quyền khởi kiện ở vụ án khác.

[3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung đơn xin vắng mặt phiên tòa xét xử, chị T không yêu cầu cấp dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[4] Xét về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14.

Theo ý kiến đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và đúng pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 146, 147, 203, điểm b, khoản 2, Điều 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016, quy định về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Kim T ly hôn anh Hà Phước Th.

2. Về con chung:

- Chị Trần Thị Kim T có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con tên Hà Phước N, sinh ngày 13/9/2014 cho đến khi con đủ 18 năm tuổi.

- Anh Hà Phước Th không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị T nhưng anh Th được quyền, nghĩa vụ thăm nom các con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Chị Trần Thị Kim T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), để sung Công quỹ Nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm do chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, theo biên lai số: 0012417 ngày 22 tháng 02 năm 2018. Chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Báo cho nguyên đơn và bị đơn biết, có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện T;
- CC. THADS huyện T;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn L;
- Lưu hồ sơ - Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Hiệp

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**